

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 247/QĐ-TTYT

U Minh Thượng, ngày 24 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu số 1: Hoá chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2023-2025 **thuộc kế hoạch:** Mua sắm hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2023-2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN U MINH THƯỢNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị Quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghe nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghe nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghe nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghe nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 07/09/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2023 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-TTYT ngày 05/10/2023 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Hoá chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2023-2025;

Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng số: 2311/BBTT-BV-2023 ngày 10/11/2023 giữa Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng và CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT NAM THIÊN LỘC;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 80.2/BCTĐ-BA2023 ngày 21/11/2023 của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Công trình Bảo Anh, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm hoá chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2023-2025”.

Xét đề nghị theo Tờ trình số 22/TTr-KDTTBVTYT ngày 10/11/2023, về việc thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1: “Mua sắm hoá chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2023-2025” của Khoa Dược-TTB-VTYT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu gói thầu số 1 “Hoá chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng giai đoạn 2023-2025” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Mua sắm hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2023-2025” với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT NAM THIÊN LỘC.**

2. Giá trúng thầu: **836.900.000 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

3. Số lượng mặt hàng trúng thầu: 22 mặt hàng (Đính kèm phụ lục)

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, lựa chọn nhà thầu qua mạng (Mã thông báo mời thầu: IB2300252618)

5. Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm nguồn do Bảo hiểm xã hội thanh toán).

6. Loại hợp đồng: Trọn gói.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Các bộ phận đánh giá, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về kết quả lựa chọn nhà thầu nêu trên. Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng có trách nhiệm tiến hành hoàn thiện để ký kết hợp đồng.

Điều 3. Các khoa/phòng liên quan trực thuộc Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng, CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT NAM THIÊN LỘC, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế (Báo cáo);
- Ban Giám đốc (để biết);
- Các khoa/phòng liên quan;
- Lưu: VT, KDTTBVTYT.



Lý Bá Lưu

PHỤ LỤC DANH MỤC TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 24/QĐ-TTĐT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng)

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT (GPT)	GPT / ALT -LQ	Hóa chất phân tích sinh hóa GPT/ALT -LQ. IFCC. Enzymatic - UV Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ GPT trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Tris pH 7.8: 100 mmol/l Lactate dehydrogenase (LDH): 1200 U/L L-Alanine: 500mmol/l - R2: NADH: 0.18 mmol/l. α-Ketoglutarate: 15 mmol/l	ISO 13485	ml :	1x240 mL/ 1x60 mL	41282	Spinreact/ Tây ban Nha	3.200	4.000	12.800.000	
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST (GOT)	GOT / AST -LQ	Hóa chất phân tích sinh hóa GOT / AST -LQ. IFCC Enzymatic –UV Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ GOT trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25: 80mmol/l; Lactate dehydrogenase (LDH): 800U/L Malate dehydrogenase (MDH): 600U/L L-Aspartate: 200mmol/l - R2: NADH: 0.18 mmol/l A-Ketoglutarate: 12 mmol/l	ISO 13485	ml	1x240 mL / 1x60 mL	41272	Spinreact/ Tây ban Nha	3.200	4.000	12.800.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Cholesterol LQ	Hóa chất phân tích sinh hóa Cholesterol-LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - Hóa chất chính: PIPES pH 6,9: 90 mmol/L; Phenol: 26 mmol/L; Cholesterol esterase (CHE): 1000 U/L; Cholesterol oxidase (CHOD): 300 U/L; Peroxidase (POD): 650 U/L; 4 - Aminophenazone (4-AP) 0,4mmol/L - CHOLESTEROL CAL: Cholesterol dung dịch nước tiêu chuẩn chính 200 mg/dL. Chứa Triton X-114 10-15%	ISO 13485	ml	2x250 mL	41021	Spinreact/ Tây ban Nha	3.500	3.600	12.600.000	
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng TRIGLYCERID	TRIGLYCERIDES -LQ	Hóa chất phân tích sinh hóa TRIGLYCERIDES -LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R: GOOD pH 6.3: 50 mmol/L p-Chlorophenol: 2 mmol/L Lipoprotein lipase (LPL): 150000 U/L Glycerol kinase (GK): 500 U/L Glycerol-3-oxidase (GPO): 3500 U/L Peroxidase (POD): 440 U/L 4 - Aminophenazone (4-AP): 0,1 mmol/L ATP: 0,1 mmol/L	ISO 13485	ml	10x25 mL	SP41031	Spinreact/ Tây ban Nha	3.500	7.200	25.200.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Creatinine -J.	Hóa chất phân tích sinh hóa Creatinine -J. Jaffé Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Creatinine trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1 Picnic acid: 17,5 mmol/L - R2 Sodium hydroxide: 0.29 mol/L	ISO 13485	ml	2x150 mL	1001111	Spinreact/ Tây ban Nha	4.500	4.000	18.000.000	
6	Hóa chất xét nghiệm SPINTROL "H" NORMAL	SPINTROL "H" NORMAL	Hóa chất phân tích sinh hóa Spintrol "H" Normal. Humano/ Human source. Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động. Spintrol "H" Normal. Humano/ Human source là chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn	ISO 13485	ml	4x5ml	1002120	Spinreact/ Tây ban Nha	250	120.000	30.000.000	
7	Hóa chất xét nghiệm SPINTROL "H" PATHOLOGICAL	SPINTROL "H" PATHOLOGICAL	Hóa chất phân tích sinh hóa Spintrol "H" Patologico. Humano/ Human source. Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động. Spintrol "H" Patologico. Humano/ Human source là chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn	ISO 13485	ml	4x5ml	1002210	Spinreact/ Tây ban Nha	250	120.000	30.000.000	
8	Hóa chất xét nghiệm SPINTROL "H" CALIBRATOR	SPINTROL "H" CALIBRATOR	Hóa chất phân tích sinh hóa Spintrol "H" Cal. Humano/ Human source. Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động. Spintrol "H" Cal. Humano/ Human source là chất hiệu chuẩn huyết thanh cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Phục vụ chẩn đoán y học.	ISO 13485	ml	4x3ml	1002012	Spinreact/ Tây ban Nha	250	150.000	37.500.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid	URIC ACID -LQ	Hóa chất phân tích sinh hóa URIC ACID -LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Axit uric trong huyết thanh, huyết tương, máu người. Phục vụ chẩn đoán y học. - Thành phần: - R 1 Buffer : Phosphate pH 7,4: 50 mmol/L. 2-4 Dichlorophenol sulfonate (DCPS): 4mmol/L - R 2 Enzymes : Uricase: 60 U/L Peroxidase (POD): 660 U/L Ascorbate oxidase: 200 U/L 4 - Aminophenazone (4-AP): 1 mmol/L - URIC ACID CAL : Uric acid aqueous primary standard 6mg/dL	ISO 13485	ml	2x100 mL	41002	Spinreact/ Tây ban Nha	1.200	5.000	6.000.000	
12	CUVETTE cho máy xét nghiệm sinh hoá	CUVETTE cho máy xét nghiệm sinh hoá	- Cuvette sử dụng cho máy sinh hoá	ISO 13485	Bộ	Hộp 200 cái	300605_1/c	BSI/Ý	10	3.000.000	30.000.000	
13	Bóng đèn cho máy sinh hoá	Bóng đèn cho máy sinh hoá	- Đèn halogen dùng cho máy sinh hoá	ISO 13485	Cái	Hộp 1 bóng	170020/C2	BSI/Ý	6	5.000.000	30.000.000	
14	Dung dịch pha loãng	Diatro•Dil-DIFF CT	Sodium chloride: < 1.0 % Buffers < 1.0 % Preservative: < 0.3 % Stabilizers: < 0.3 % in ion-free water	ISO 13485	Lít	20L/thùng	D1032	Diatro/ Hungary	800	250.000	200.000.000	
15	Dung dịch ly giải	Diatro•Lyse-DIFF CT	Surfactants: < 3.6 % Buffers: < 1.0 % Preservative: < 0.5 % Stabilizers: < 0.5 % in ion-free water	ISO 13485	Lít	5L/thùng	D2185	Diatro/ Hungary	200	1.200.000	240.000.000	
16	Dung dịch kiểm chuẩn huyết học Haematology Control 3 Level	CBC 3K	Nội kiểm cho máy huyết học 5 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao. Bộ: 2x3x3 mL	ISO 13485	ML	3x3ml	3K303	R&D/Mỹ	40	550.000	22.000.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Glucose -LQ	Hóa chất phân tích sinh hóa Glucose Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ Glucose trong huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25:2 mmol/l; Phenol: 0.3 mmol/l - R2: Glucose oxidase: 15000 U/L Peroxidase:1000 U/L 4-Aminophenazone: 2.6 mmol/l - Glucose CAL: nồng độ Glucose 100mg/dl	ISO 13485	ml	2x250 ml.	41011	Spinreact/ Tây ban Nha	9.360	2.000	18.720.000	
10	Thuốc thử định lượng nồng độ UREA	UREA -LQ	Hóa chất phân tích sinh hóa UREA -LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Urê trong huyết mầu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1 Buffer: TRIS pH 7,8: 80 mmol/L α -Ketoglutarate: 6 mmol/L Urease:75000 U/L - R2 Enzymes: GLDH: 60000 U/L NADH: 0,32 mmol/L	ISO 13485	ml	1x240 mL / 1x60 mL	41041	Spinreact/ Tây ban Nha	4.000	4.800	19.200.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
17	Urine Strip11	Urine Strip11	Đây là que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	ISO 13485	Test	100que/hộp	U031-101	ACON/Trung Quốc	900	4.200	3.780.000	
18	Test nhanh kháng nguyên viêm gan B	HBsAg Rapid Test	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Độ chính xác tương quan: 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Ngưỡng phát hiện (LOD) : 1 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, HCV, Dengue, HIV, RF, Syphilis, TB, H.pylori. Không bị gây nhiễu bởi Sodium citrate nồng độ 2,8% và EDTA nồng độ 2,4 mmol/L	ISO 13485	Test	50 test/Hộp	IHBSG-302	Medicon/Vietnam	800	14.000	11.200.000	
19	Test nhanh kháng thể H.pylori	H. pylori Antibody Rapid Test Cassette (Serum/Plasma/Whole Blood)	Định tính phát hiện kháng thể kháng H. pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Thành phần: chứa các phần tử phủ kháng nguyên H. pylori và kháng thể kháng IgG người phủ trên màng. - Độ nhạy tương quan: 94,7%; - Độ đặc hiệu tương quan: 99,4%; - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp >99%. Không bị ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm bởi thuốc chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate. Sản phẩm đạt chứng chỉ FSC Đức, CE và được phép lưu hành tại Châu Âu Đọc kết quả ở phút thứ 10	ISO 13485	Test	40 test/Hộp	L031-10621	ACON/Trung Quốc	300	30.000	9.000.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
20	Test nhanh sốt xuất huyết	Dengue NS1Ag Rapid Test	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Hoạt chất chính: Các kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1. Quy cách: 30 khay thử, 30 Pipet nhựa, 1 Lọ dung dịch đệm, 1 HDSD. - Độ nhạy tương quan: 100%; - Độ đặc hiệu tương quan: 98,75%; - Độ chính xác tương quan: 99.0%. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, H. Pylori Ab, TB, HIV Ab, HAV Ab, HCV, RF, CMV, Malaria Ab, HSV-1, HSV-2. Phân loại TTBYT: C Đọc kết quả tại 15 phút	ISO 13485	Test	30 test/Hộp	IDENG-402	Medicon/Vietnam	600	54.000	32.400.000	
21	Test nhanh kháng thể sốt xuất huyết	Dengue IgG/IgM Rapid Test	Định tính phát hiện kháng thể IgG và/ hoặc IgM kháng vi rút Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Các kháng nguyên Dengue tái tổ hợp, kháng thể kháng IgM người và kháng thể kháng IgG người. Quy cách : 30 Test thử trong túi riêng; 30 Ống nhỏ giọt ; 1 Lọ dung dịch đệm. - Độ nhạy: 96,9%; - Độ đặc hiệu: 98,9%; - Độ chính xác tương quan: 98,7%. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HIV, HCV, HBV, HEV, Syphilis, RF. Phân loại TTBYT: C Đọc kết quả tại 15 phút.	ISO 13485	Test	30 test/Hộp	IDENB-402	Medicon/Vietnam	600	45.000	27.000.000	



STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Xuất xứ	lượng /Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Ghi chú
22	Test nhanh HIV 1/2	Trueline HIV 1/2 Ab Rapid Test	Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1 và/hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Kháng nguyên tái tổ hợp HIV, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-2. - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: 99.89%. - Độ chính xác: 99.99%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính: HBsAg, Anti-Syphilis, Anti-HCV, Anti-RF, Anti-Rubella IgG Không bị nhiễu bởi các chất: Creatine 200 mg/dL, Bilirubin 1g/dL, Caffeine 20 mg/dL	ISO 13485	Test	40 test/Hộp	IHIB-402		300	29.000	8.700.000	
Tổng cộng											836.900.000	

Tổng giá trị: 836.900.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng)
 Tổng số mặt hàng: 22 mặt hàng